

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 179/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

1
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nhủ Khuyên

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Tấn Liêm

Ông Trần Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 23 và 24 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 227/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 232/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị L - Sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp L Đ, xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Văn G - Sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T Ph, xã Đ H, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Trịnh Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh G kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh G bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận, anh chị thường hay cãi nhau, chị L bệnh nhưng anh G không quan tâm chăm sóc. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng anh chị không thể chung sống hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn G.

- *Về con chung*: Chị Trịnh Thị L xác định vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Nguyên Kh sinh ngày 27/3/2016, hiện con đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Lý do chị L yêu cầu nuôi con là vì hiện tại chị đang sống chung với mẹ ruột và được gia đình tặng cho 5.000m² đất để canh tác nuôi tôm nên chị có thu nhập ổn định để nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Trịnh Thị L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 06 chỉ vàng 24K, trong đó có 05 chỉ vàng 24K do cha mẹ cho khi vợ chồng kết hôn, còn 01 chỉ vàng 24K còn lại là do Công ty được Hậu Giang tặng. Toàn bộ số vàng trên do chị L đang quản lý. Chị L yêu cầu chia đôi số vàng trên.

Đối với các tài sản khác như: tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước là 37.000.000 đồng, 04 chỉ vàng 18K, 04 chân hui (trong đó 02 chân hui 1.000.000 đồng/tháng và 02 chân hui 500.000 đồng/tháng), số tài sản trên do anh G đang quản lý và chị L không yêu cầu chia số tài sản này.

- *Về nợ chung*: Chị Trịnh Thị L xác định trong thời gian chị và anh G chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo anh Lê Văn G trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh chị kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh G và chị L bất đồng quan điểm, chị L bệnh thì anh G luôn quan tâm chăm sóc, đưa chị L đi khám và điều trị nhiều lần. Tuy nhiên, do chị L nghe lời mẹ ruột mê tín dị đoan đi tìm thầy cúng để điều trị bệnh là phản khoa học. Do nhiều lần khuyên ngăn không được nên vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn và chị L đã về nhà mẹ ruột sống. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên nhiều lần gần nhưng anh chị không thể chung sống hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh đồng ý.

- *Về con chung*: Anh G xác định vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Nguyên Kh sinh ngày 27/3/2016, hiện con đang sống chung với chị L. Anh G yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con với lý do: anh có thu nhập bằng tiền lương ổn định, có đầy đủ sức khỏe để nuôi con. Ngoài ra, trong thời gian chị L về nhà mẹ ruột sinh sống, khi đó anh có đến thăm con nhưng bị mẹ của chị L và chị L ngăn cản, đuổi xua không cho anh gặp con, từ đó làm ảnh hưởng đến quyền thăm nom con của anh. Đồng thời chị L thường xuyên bị ngất xỉu, sức khỏe không ổn định nên không đủ điều kiện để nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh G xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 06 chỉ vàng 24K như chị L trình bày là đúng. Anh đồng ý chia đôi số vàng trên. Do

toàn bộ số vàng trên chị L đang quản lý nên chị L phải có nghĩa vụ trả lại anh 03 chỉ vàng 24K. Đối với các tài sản khác như chị L trình bày thì anh không biết và anh không đồng ý chia.

- *Về nợ chung*: Anh G xác định trong thời gian anh và chị L chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Tranh chấp giữa chị Trịnh Thị L và anh Lê Văn G là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh G có địa chỉ tại ấp Tân Phong, xã Đông Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh chị kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh chị thực sự có xảy ra trong thời gian dài không thể hàn gắn được, anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 4 năm 2019 đến nay. Tại phiên tòa, anh G và chị L thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Lê Nguyên Kh đã trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, khi vợ chồng ly hôn mà không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định việc giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ mà các bên cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy, về điều kiện kinh tế thì cả anh G và chị L đều có điều kiện để nuôi con, cụ thể chị L được gia đình tặng cho 5.000m² để canh tác nuôi tôm và hiện đang chung sống với mẹ ruột. Đối với anh G thì đang công tác tại Trung tâm y tế xã Đông Hưng nên có thu nhập ổn định hơn bằng tiền lương được trả hàng tháng. Xét về điều kiện sức khỏe để chăm sóc con: Tại phiên tòa chị L cho rằng chị thường xuyên bị ngất xỉu, cụ thể là khoảng 3 đến 4 ngày chị bị ngất xỉu 01 lần, mỗi lần ngất xỉu là khá lâu mới tỉnh dậy. Xét tình trạng sức khỏe của chị L là rất khó khăn trong vấn đề chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Mặt khác, trong quá trình vợ chồng sống ly thân, chị L có hành vi ngăn cản không cho anh G thăm nom, chăm sóc con là vi phạm tại khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó,

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin nuôi con của anh Lê Văn G là phù hợp nên chấp nhận.

Cháu Lê Nguyên Kh đang sống chung với chị L nên chị L phải có nghĩa vụ giao con lại cho anh G trực tiếp nuôi. Chị L không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh G không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh G và chị L thống nhất tài sản chung có 06 chỉ vàng 24K, vợ chồng thống nhất chia đôi là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh G và chị L mỗi người được chia 03 chỉ vàng 24K. Do số vàng trên hiện chị L đang quản nên chị L phải có nghĩa vụ trả lại anh G 03 chỉ vàng 24K.

Đối với các tài sản khác như: Tiền gửi Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Cái Nước là 37.000.000 đồng, 04 chỉ vàng 18K, 04 chân hui (trong đó 02 chân hui 1.000.000 đồng/tháng và 02 chân hui 500.000 đồng/tháng) anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh chị xác định trong thời gian chung sống, anh chị không nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị L phải chịu 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc anh G và chị L mỗi người phải chịu 615.000 đồng (tính giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.100.000 đồng/chỉ) theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28; 35; 39; 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn G với chị Trịnh Thị L.

Về con chung: Buộc chị Trịnh Thị L có nghĩa vụ giao con là Lê Nguyên Kh sinh ngày 27/3/2016 cho anh Lê Văn G trực tiếp nuôi. Chị Trịnh Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Lê Văn G được chia 03 chỉ vàng 24K. Chị Trịnh Thị L được chia 03 chỉ vàng 24K. Toàn bộ số vàng trên do chị L đang quản lý nên buộc chị L phải có nghĩa vụ trả lại anh G 03 chỉ vàng 24K.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 615.000 đồng. Chị L có dự nộp số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 1.842.000 đồng theo Biên lai thu số 0004440 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ tổng số tiền án phí sơ thẩm mà chị L phải chịu là 915.000 đồng, chị L được nhận lại 927.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Lê Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 615.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm anh G và chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã HM;
- Dương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Nhủ Khuyên